

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H A
TỈNH CB**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2019/DS-ST
Ngày: 27-9-2019
V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H A - CB

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Kim Chi

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Hữu
2. Ông Đàm Văn Dân

- Thư ký phiên toà: Ông Hà Văn Tân là Thư ký Toà án nhân dân huyện H A, tỉnh CB

- Kiểm sát viên được phân công kiểm sát việc giải quyết vụ án: Ông Trịnh Nguyễn Huyền - Kiểm sát viên, vắng mặt không có lý do.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, Tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện H A, tỉnh CB xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Dũng Đ, sinh năm: 1956;
Địa chỉ: Xóm Phiêng L, xã Bạch Đ, huyện H A, tỉnh C B.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nông Văn Dự – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Tr tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh CB.
Địa chỉ: Tr tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh CB.

- Bị đơn: Ông Trần Văn Tr; sinh năm: 1973;
Địa chỉ: Xóm Bản S, xã Bạch Đ, huyện H A, tỉnh CB.

- Đồng bị đơn: Ông Hoàng Văn H, sinh năm: 1961;
Địa chỉ: Xóm Phiêng L, xã Bạch Đ, huyện H A, tỉnh CB.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đồng bị đơn: Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Tr tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh CB.
Địa chỉ: Tr tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh CB.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
1. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H A, tỉnh CB.

Địa chỉ: Thị trấn Nước Hai, huyện H A, tỉnh CB.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bế Đăng Chuyên – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H A, tỉnh CB; Người được ủy quyền: Ông Vi Vĩnh Kiên – Cán bộ phòng Tài nguyên môi trường (Theo văn bản ủy quyền số 15 ngày 24/6/2019)

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lâm nghiệp CB, người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Lâm Phương – Chức vụ - Giám đốc; Địa chỉ: Km4, phường Đề Thám, thành phố CB, tỉnh CB.

- Người làm chứng:

1. Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm: 1962;

2. Ông Hoàng Văn L, sinh năm: 1964;

3. Bà Triệu Thị Đ, sinh năm: 1961;

Cùng địa chỉ: Xóm Phiêng L, xã Bạch Đ, huyện H A, tỉnh CB.

4. Bà Trần Thị K, sinh năm: 1934;

Địa chỉ: Xóm Vò Tr, xã Bạch Đ, huyện H A, tỉnh CB.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện H A, người làm chứng ông Đ bà K có mặt tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Lâm nghiệp CB – có lý do, vắng mặt người làm chứng ông L, bà Đ, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2019, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Dũng Đ trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp là do tôi có công khai hoang, thửa đất tranh chấp thuộc khu Phiêng L, có tên gọi Khuổi Thôm, pác Khuổi Tô, diện tích tranh chấp: 5.849.1m². Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên nhân xảy ra tranh chấp, năm 1993, tôi có nhận chuyển nhượng đất từ ông Trần Văn M, trú tại Xóm Bản S, xã Bạch Đ, huyện H A, tỉnh CB số tài sản gồm: 01 nhà xây cấp 4 có 04 gian, cây xa mộc, hoa, quả xung quanh nhà, tổng diện tích là: 2514.7 m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 971564, số tờ Bản đồ 57, số thửa 12, mục đích sử dụng đất nhà ở + đất vườn. Năm 1994 gia đình tôi chuyển từ xóm Bản Săng lên sinh sống ở xóm Phiêng L, khi tôi chuyển đến ruộng vườn xung quanh nhà toàn bụi Tre, rậm rạp, từ nhà tôi đến nhà ông H có hàng cây Cam mộc (Khoảng 14 cây) dọc theo ta luy nhà ông H, gia đình tôi đã khai hoang toàn bộ diện tích đất phần đằng sau nhà ông H, lên đến đình đôi và dọc xuống Pác Khuổi Tô, diện tích khoảng 5.849.1m². Năm 2014 gia đình ông Tr lấy máy mức đến mức vào ta luy đất của tôi, năm 2018 gia đình ông H tự phát cuộc lên đất của tôi, chặt phá cây Xoan và các cây cối khác.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tr, ông H phải trả lại số đất tranh chấp do tôi khai hoang mà có (Toàn bộ diện tích đất phần đằng sau nhà ông

H, lên đến đỉnh đồi và dọc xuống Pác Khuổi tô, diện tích khoảng 5.849.1m²), 03 cây xoan, trị giá mỗi cây 1.000.000đ, tổng số tiền là: 3.000.000đ.

Tại Bản tự khai ngày 13/5/2019 và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn Tr trình bày: Tôi và ông Đ có quan hệ họ hàng, về nguồn gốc đất tranh chấp do ông, cha để lại, quá trình sử dụng đất ổn định, từ khi thành lập Hợp tác xã (HTX) năm 1960, sau tan HTX gia đình tôi quản lý và sử dụng ổn định từ đó đến nay.

Nguyên nhân phát sinh tranh chấp: Năm 1994 gia đình ông Trần Dũng Đ lên mua nhà với ông Trần Văn , trú tại Xóm Bản S, xã Bạch Đ, huyện H A, tỉnh C B (Ông Trần Văn M mua lại của ông Lương Văn L). Đất tranh chấp hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lý do tại sao gia đình tôi kê khai nhưng không được cấp GCNQSDĐ thì tôi không biết, chỉ được nghe nói diện tích đất trên không đủ để cấp đất lâm nghiệp. Tuy nhiên gia đình tôi vẫn quản lý và trồng màu trên đất từ trước đến nay, phía ông Đ cho rằng đất tranh chấp chưa được phân chia và không có ai quản lý là không đúng. Vì thực tế những lần tranh chấp từ thời Bố đẻ tôi và các cụ trong họ còn sống, ông Đ tranh chấp, xóm, xã đã giải quyết hòa giải toàn bộ đất trên thuộc của gia đình tôi, tuy nhiên vì là giải quyết hòa giải tình cảm nên không lập biên bản. Nay tôi yêu cầu ông Đ không được tranh chấp đất trên.

Tại Bản tự khai ngày 13/5/2019 và tại phiên tòa, bị đơn ông Hoàng Văn H trình bày: Năm 1988, gia đình tôi được sự nhất trí của gia đình anh Tr cho làm nhà trên đất của anh, diện tích 500m², thửa đất số 116, tờ bản đồ số 96 tại xóm Phiêng L, xã Bạch Đằng và phần đất sau nhà thẳng lên đến đỉnh đồi. Đến năm 1993, anh Đ từ Bản Săng chuyển lên Phiêng L ở, đến năm 2000, 2001 gia đình anh Đ tranh chấp đất của tôi được anh Tr giao quản lý, gia đình tôi đã nhổ bỏ toàn bộ cây cối của anh Đ trồng trái phép trên đất của anh Tr. Năm 2015, ông Đ tiếp tục tranh chấp số đất trên, chính quyền xóm, xã giải quyết đất trên thuộc của gia đình anh Tr, ông Đ nhất trí nhưng chính quyền lại không lập biên bản, nay yêu cầu ông Đ không được tranh chấp số đất trên.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện H An trình bày: Qua các bên trình bày UBND huyện H An nhất trí và sẽ căn cứ vào quyết định xét xử của Tòa án để xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

- Tại Biên bản hòa giải ngày 29/8/2019, Đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Lâm nghiệp Cao Bằng - Ông Chu Lâm Phương – Giám đốc xác nhận: Theo Bản đồ giao đất, giao rừng xã Bạch Đằng, huyện Hòa A ngày 17/11/1994 thì khu đất tranh chấp trên vẫn thuộc đất Lâm nghiệp, thuộc lô 02, khoảnh 16, tiểu khu 263 (Không tìm được tài liệu chủ đất). Tuy nhiên theo Bản đồ Dự án Bảo vệ phát triển rừng tháng 01/2010 thì vị trí đất tranh chấp không thuộc giới hạn thuê đất của Công ty, lý do tách ra là do trên đất đang có dân cư sinh sống và canh tác hoa màu trên đất.

- Tại các Biên bản hòa giải của xóm, xã xác nhận: Phần đất tranh chấp theo đơn của ông Trần Dũng Đ đã được Ủy ban nhân dân (UBND) xã Bạch Đằng và

UBND huyện Hòa A giải quyết vào các năm 2000, 2001 và 2015, với nội dung đất tranh chấp thuộc quyền quản lý và sử dụng của ông Tr và ông H, nay ông Đ tiếp tục khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo luật. Về lý do đất tranh chấp chưa được cấp GCNQSDĐ, giai đoạn trước năm 1994, toàn bộ đất rừng tại xã Bạch Đằng không có cơ quan nào quản lý, UBND xã không lưu giấy tờ, Bản đồ về quản lý đất rừng. Giai đoạn sau năm 1994, đất là của Lâm trường Nam Hòa A, nay là Công ty TNHH Lâm nghiệp CB quản lý.

- Kết quả xác minh:

1. Tại Biên bản xác minh ngày 18/6/2019 tại nhà riêng bà Triệu Thị Đ, sinh năm 1961, tại xóm Phiêng L, xã Bạch Đằng xác nhận: bà có quan hệ họ hàng nhiều đời với cả hai bên nguyên đơn, bị đơn. Về nguồn gốc đất, tôi chỉ biết từ khi tan HTX năm 1988 thì đất ai người đó sử dụng, thời điểm đó ông Chân (là Bố đẻ anh Tr) và ông Khuyến là hai anh em ruột đã chia đất cho nhau sử dụng và có thỏa thuận, ruộng đến đâu thì đòi thẳng đến đấy, còn phía đằng sau từ suối hắt lên đến đỉnh đồi là của ông Chân.

2. Tại Biên bản xác minh ngày 18/6/2019 tại nhà riêng ông Hoàng Văn Thuận, sinh năm 1925, tại xóm Phiêng L, xã Bạch Đằng xác nhận: Ông không có quan hệ gì với hai bên đương sự, về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Chân (Bố đẻ anh Tr) được chia, cụ thể, Từ đầu cầu treo đến nhà ông H ở, thẳng lên đỉnh đồi và phía đằng sau từ khe suối giáp lên đỉnh đồi đến sát bờ ao là của ông Chân.

3. Tại đơn xin xác nhận ngày 25/6/2019 của bà Trần Thị K, sinh năm 1934, trú tại: Vò Chang, Bạch Đằng xác nhận: Bà là cô ruột của ông Trần Văn Tr, sinh ra và lớn lên được cùng Bố, Mẹ là Trần Văn Ngôn và Hoàng Thị Phúc (Đã chết) canh tác trên các đám ruộng Khuổi Tô, Khuổi Thôm xóm Phiêng L cho đến năm 1957 đi xây dựng gia đình theo chồng từ đó đến nay.

4. Tại Biên bản xác minh ngày 18/6/2019 tại nhà riêng ông Hoàng Văn L, trú tại Phiêng L, Bạch Đằng xác nhận: Ông không biết nguồn gốc đất tranh chấp giữa nguyên đơn ông Đ với bị đơn ông Tr, H, ông có quan hệ là hàng xóm. Về thời gian do đã lâu nên không nhớ, nhưng trước đây ông được ông Đ thuê đi phát rẫy giúp gia đình ông Đ. Về vị trí: Chỉ được phát khu vực sau nhà của ông Đ còn phía sau đồi không được phát.

5. Tại Biên bản xác minh ngày 23/8/2019 tại nhà bà Triệu Thị Tình, sinh năm: 1952, trú tại xóm Phiêng L, xã Bạch Đằng xác nhận: Ngày 14/7/2019 Tôi được ông Đ cho ký vào 01 tờ giấy xác nhận nguồn gốc đất, nhưng thực tế ông Đ viết giấy và cho tôi ký, lúc đó tôi chưa được đọc lại, tôi hiện nay không được minh mẫn nên đã ký vào. Vậy nay tôi có ý kiến, tôi không biết nguồn gốc đất của ông Đ, ông Tr, ông H và những lời làm chứng ngày 14/7/2019 là không đúng sự thật.

6. Tại Biên bản xác minh ngày 23/8/2019 tại nhà bà Hoàng Thị Thiện (Tên gọi khác Hoàng Thị Tính), sinh năm: 1949, trú tại xóm Phiêng L, xã Bạch Đằng xác nhận: Về nguồn gốc đất tranh chấp bà không biết nguồn gốc, ngày 14/7/2019 bà được ông Đ đến nhà nhờ xác nhận nguồn gốc đất, nhưng bà không được đọc nội

dung tờ giấy, ông Đ tự viết giấy và nhờ tôi ký xác nhận. Thực tế tôi chỉ được biết ông Đ thuê người phát rẫy, còn phát ở đâu thì tôi không biết, tôi chỉ được nghe nói lại. Vậy tôi khẳng định tôi không biết về nguồn gốc đất tranh chấp giữa ông Đ và ông Tr.

*Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu và yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Tr, ông H trả lại đất tranh chấp cho ông tổng diện tích là 5.849.1m², yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại về tài sản cây cối cho ông cụ thể: ông Tr số tiền là 20.000.000đ, ông H số tiền là 23.000.000đ.

Bị đơn không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị nguyên đơn chấm dứt việc tranh chấp đất.

Người làm chứng ông Điều xác nhận: Ông không biết nguồn gốc đất tranh chấp, không được ông Đ thuê khai hoang.

Người làm chứng bà Kéo xác nhận: Về nguồn gốc đất tranh chấp tôi vẫn giữ nguyên lời khai tại đơn xin xác nhận ngày 25/6/2019 của tôi đó là đất tranh chấp là của Bố đẻ tôi, để lại thừa kế cho anh trai tôi, đất ruộng đến đâu kéo thẳng lên đến đỉnh đồi, phần đằng sau đồi từ Pác Khuổi Tô đến bờ ao là của cháu Tr.

Người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn ông Nông Văn Dữ trình bày bản luận cứ: Về nguồn gốc đất theo ông Đ thì ông đã quản lý và sử dụng ổn định từ năm 1993 cho đến nay, diện tích đất tranh chấp là: 5.238.2 m², có tên gọi pác Khuổi Tô, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2018, gia đình ông Tr lấy máy về mức vào phần đất của gia đình ông, ông có làm đơn gửi xóm, xã giải quyết nhưng kết quả H giải không thành, nay yêu cầu Tòa công nhận phần diện tích đất đồi đang có tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn ông Đ, trường hợp HĐXX không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì đề nghị HĐXX căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 03/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn tiền án phí cho ông Đ.

Người bảo vệ quyền lợi cho đồng bị đơn bà Nguyễn Thị Dạ Thảo trình bày bản luận cứ: Về nguồn gốc đất tranh chấp là của gia đình ông Tr được thừa kế từ ông cha để lại, diện tích khoảng 5849.1 m² tại Lô 2 khoảnh 16 tiểu khu 263, địa chỉ xóm Phiêng L, xã Bạch Đằng, đất chưa được cấp GCNQSDĐ. Quá trình sử dụng, gia đình ông Tr sử dụng từ khi tan HTX đến nay. Về nguyên nhân tranh chấp: Năm 1993, gia đình ông Đ về mua đất của ông Lẹ và chuyển đến sinh sống cạnh đất của gia đình anh H (Người được anh Tr giao quản lý đất), năm 2000, 2001 ông Đ bắt đầu tranh chấp, kết quả xã giải quyết giao cho gia đình anh Tr quản lý. Đến năm 2015 ông Đ tiếp tục tranh chấp, các cấp chính quyền giải quyết, đất thuộc của gia đình anh Tr. Về căn cứ chứng minh: Người làm chứng bà Trần Thị K, sinh năm 1934 xác nhận: Đất tranh chấp có nguồn gốc của Bố đẻ ông Tr để lại, ngoài ra các trưởng xóm Phiêng L năm 2000 là ông Triệu Hoàng Út, năm 2015 bà Tô Thị Thời đều xác nhận: Nguồn gốc đất tranh chấp là của gia đình ông Tr. Qua nguồn gốc đất tranh chấp và các tài liệu chứng minh, đủ căn cứ khẳng định đất tranh chấp thuộc

quyền sử dụng của ông Tr. Đề nghị HĐXX, xử bác yêu cầu của Nguyên đơn ông Trần Dũng Đ đối với 5.238.2 m² đất tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Dũng Đ và ông Trần Văn Tr, Hoàng Văn H đều trú tại Phiêng L, Bạch Đằng, H An, Cao Bằng có quan hệ liên quan đến quyền sử dụng đất. Nay ông Đ khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp “Quyền sử dụng đất” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa A theo khoản 9 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của kiểm sát viên: Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa A đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 232, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử, không hoãn phiên tòa.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn: Được sử dụng thửa đất đang tranh chấp thuộc khu vực Khuổi Tô, Khuổi Thôm, diện tích hiện tại 5.849.1m², địa chỉ tại xóm Phiêng L, xã Bạch Đằng, huyện Hòa A, tỉnh CB. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Các bên thừa nhận là do tổ tiên của ông Trần Dũng Đ và Ông Trần Văn Tr để lại.

Quá trình sử dụng: Năm 1993, ông Đ có nhận chuyển nhượng đất từ ông Trần Văn M, trú tại Xóm Bản S, xã Bạch Đ, huyện Hòa A, tỉnh CB số tài sản gồm: 01 nhà xây cấp 4 có 04 gian, cây xa mộc, hoa, quả xung quanh nhà, tổng diện tích là: 2514.7 m² (Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 971564, số tờ Bản đồ 57, số thửa 12, mục đích sử dụng đất nhà ở + đất vườn). Năm 1994 gia đình ông Đ chuyển từ xóm Bản Săng lên sinh sống ở xóm Phiêng L, khi chuyển đến ông Đ thấy ruộng vườn xung quanh nhà toàn bụi Tre, rậm rạp, từ nhà ông đến nhà ông H có hàng cây Cam mọc (Khoảng 14 cây) dọc theo ta luy nhà ông H, gia đình ông đã thuê người phát bụi Tre, cây cỏ phía đằng sau nhà và được trồng cây Thông, cây Xoan trên đất. Ông thừa nhận, vào các năm 2000, 2001, 2015 giữa các bên có xảy ra tranh chấp và các cấp đã giải quyết nhưng chỉ phần nền nhà ông H bây giờ. Ông cũng thừa nhận các cụ ngày xưa đã phân chia đất đai nhưng chỉ là đất ruộng và đất nền nhà ông H, ông không tranh chấp phần đất đã phân chia, còn phần đồi sau nhà và vạt đồi bên kia thì chưa có sự phân chia và chưa có tranh chấp, chưa được giải quyết. Phía bị đơn khẳng định, đất tranh chấp đã được các cấp giải quyết toàn bộ, thời điểm tranh chấp còn có ông Chân và các bác anh em trong dòng họ làm chứng nên ông Đ không tranh được, nay các cụ mất đi ông Đ tiếp tục tranh gia đình chúng tôi không nhất trí.

Căn cứ vào Biên bản thẩm định, thực địa đất tranh chấp và các lời trình bày của nhân chứng trong xóm, Bản luận cứ của người bảo vệ quyền lợi cho đồng bị

đơn, HĐXX xét thấy: Hiện trạng đất tranh chấp đã có ranh giới rõ ràng, phần đất thuộc quyền sở hữu của ông Đ có các cây trồng mọc trên đất, có đường kính khoảng 30 cm, còn phần đất tranh chấp phía đằng sau nhà ông Tr chỉ có cây mầu Dứa, Sắn, không có gốc cây to. Như vậy, ông Đ cho rằng mình được khai phá và trồng cây mấy chục năm là hoàn toàn có căn cứ và không phù hợp với thực tế. Vì thực tế, từ những năm 1994 ông Đ đến phát rẫy và trồng cây xuống đất nhà ông Tr đã bị gia đình ông H nhô bỏ với lý do đất đó không phải của ông Đ, các bên đã có đơn yêu cầu giải quyết vào các năm 2000, 2001, 2015, xóm xã đều xác định đất tranh chấp thuộc của hộ anh Tr, ông Đ không khiếu nại lên cấp trên cũng không khởi kiện ra Tòa nên không có căn cứ cho rằng đất tranh chấp là đất bị bỏ hoang, không có người sử dụng. Căn cứ khoản 1 các Điều 2, 6 Luật Đất đai năm 1993, khoản 1 các Điều 5, 12 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Người sử dụng đất ổn định, được UBND xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét ..., Nghiêm cấm việc lấn chiếm đất đai...”. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 1 Điều 247 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 236 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với Động sản, ba mươi năm đối với Bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó”, trong trường hợp này thời gian chiếm hữu chưa đủ 30 năm liên tục, không ngay tình. Do đó, cần bác yêu cầu của ông Đ đối với 5.849.1m² đất tranh chấp tại khu vực khuổi Thôm, Khuổi Tô.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Tr, ông H bồi thường thiệt hại tài sản cho ông số tiền lần lượt là 20.000.000đ và 23.000.000đ, tuy nhiên tại đơn khởi kiện bổ sung ông chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại 03 cây xoan trị giá 3.000.000đ/3 cây, nay tại phiên tòa ông bổ sung yêu cầu bồi thường số tiền vượt quá 3.000.000đ là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, không cung cấp chứng cứ chứng minh thiệt hại 03 cây Xoan, nên cần bác yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn ông Đ.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng khác: Người bảo vệ quyền lợi cho Nguyên đơn đề nghị HĐXX căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn tiền án phí cho nguyên đơn, với lý do nguyên đơn là dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị của người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Nguyên đơn vẫn phải chịu các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 các Điều 35, 39; Các Điều 147, 157, 232, 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 247 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 236 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 các Điều 2, 6 Của Luật đất đai năm 1993; các Điều 5, 12 của luật Đất Đai năm 2013.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Dũng Đ đối với 5.849.1m² đất tranh chấp tại khu vực khuổi Thôm, Khuổi Tô.

Bác yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản của nguyên đơn ông Đ đối với ông Tr số tiền là 20.000.000đ, ông H số tiền là 23.000.000đ.

Bị đơn ông Tr tiếp tục quản lý, sử dụng số đất trên đến khi các cấp có thẩm quyền có hướng dẫn về việc quản lý, cấp đất ở khu vực Khuổi Thôm, Khuổi Tô thì sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn tiền án phí cho nguyên đơn, ông Đ được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0001284 ngày 01/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa A, tỉnh CB.

Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn ông Đ phải chịu tiền chi phí đo đạc và thẩm định cụ thể: 6.000.000đ (Tiền đo đạc bằng máy) + 769.000đ (Tiền xác minh, thẩm định, định giá tài sản) = 6.769.000đ. Nguyên đơn đã chi đầy đủ khoản tiền trên.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 27/9/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Lâm Nghiệp CB có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hoà A;
- CCTHADS Hoà A;
- UBND xã ;
- TAND tỉnh;
- L- u hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng kim Chi

